

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 3769/2024/KDTM-ST  
Ngày: 15-8-2024.  
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín  
dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Thực

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Võ Văn Lợi.
- Bà Võ Thị Gái.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ  
Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh N – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ  
Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:  
56/2024/TLST-KDTM ngày 01 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp về hợp đồng  
tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 4357/2024/QĐXXST-  
DS ngày 17/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5444/2024/QĐST-DS ngày  
16/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: Số H đường L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Thanh H, ông Giản  
Thanh H1, địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, số I đường C, Phường D, Quận C,  
Thành phố Hồ Chí Minh – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số  
6701/2024/UQ-PGD ngày 25/7/2024).

Bị đơn: Công ty TNHH D P.

Trụ sở: Số A đường H, Tổ A, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành  
phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1980;  
địa chỉ: Số A đường H, Tổ A, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ  
Chí Minh - Là đại diện theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Thành L1**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: **Số A đường H, Tổ A, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

(Ông **H**, ông **H1** có mặt, ông **L1** vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** có các đại diện theo ủy quyền trình bày:*

**Công ty TNHH D P** (sau đây gọi tắt là **Công ty D P**) đã vay vốn tại **Ngân hàng TMCP V** (sau đây gọi tắt là **V1**) theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14/09/2018 (Mã hợp đồng: 355-C-790152), hạn mức tín dụng thẻ là 300.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 25%/năm, thời hạn hạn mức tín dụng thẻ là 60 tháng, lãi suất thẻ tín dụng sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định của **V1** từng thời kỳ, kể từ ngày 22/08/2023 lãi suất cho vay trong hạn được áp dụng là 34%/năm (Theo Biểu lãi suất đối với sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày 22/08/2023), ngày quá hạn là ngày 22/09/2023.

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tất cả tài sản cá nhân của ông **Phạm Thanh L** qua Hợp đồng bảo lãnh với nội dung ông **L** đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là **Công ty D P** trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa **Ngân hàng V1** và **Công ty D P** theo Hợp đồng bảo lãnh số: 121/HĐBL/VPBANK-C ký ngày 12/09/2018.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, **Công ty D P** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên mặc dù **Ngân hàng V1** nhiều lần làm việc với đại diện Công ty và các bên bảo lãnh để yêu cầu thanh toán. Vì vậy, **Ngân hàng V1** đã thực hiện việc khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu các bên thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ.

Quá trình trả nợ của **Công ty TNHH D P** tạm tính đến ngày 15/08/2024 chi tiết như sau: Số tiền vay ban đầu: 300.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả: 1.244.504 đồng, số tiền gốc quá hạn: 298.755.496 đồng, số tiền lãi quá hạn: 159.520.455 đồng.

Nay, **Ngân hàng V1** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc **Công ty D P** phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 15/8/2024 là: 458.275.951 đồng; trong đó nợ gốc là 298.755.496 đồng và nợ lãi quá hạn là 159.520.455 đồng.

Ngoài ra, **Công ty D P** vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 16/08/2024 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14/09/2018 cho tới khi thanh toán xong

toàn bộ số nợ cho **V1**. Trường hợp **Công ty D P** không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì ông **Phạm Thanh L** phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho **Công ty D P** theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với **V1**.

Phía **Công ty D P** và ông **L** đã được triệu tập họp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên, đồng thời xác định yêu cầu bị đơn **Công ty D P** thanh toán các khoản nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/8/2024 là: 458.275.951 đồng; trong đó nợ gốc là 298.755.496 đồng và nợ lãi quá hạn là 159.520.455 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về tuân theo pháp luật tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:* Phía Công ty Anh **P** đã vi phạm các nghĩa vụ trong Hợp đồng tín dụng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 15/8/2024 là: 458.275.951 đồng, **Công ty D P** vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 16/08/2024 theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14/09/2018 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho **V1**. Trường hợp **Công ty D P** không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì ông **Phạm Thanh L** phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho **Công ty D P** theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với **V1**.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, cả nguyên đơn và bị đơn đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh và ký kết Hợp đồng có mục đích lợi nhuận. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở tại **thành phố T** nên căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Về thời hiệu khởi kiện:* Các đương sự, người đại diện hợp pháp của các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện. Do đó, căn cứ

khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không xem xét về thời hiệu khởi kiện vụ án.

*[2] Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn Công ty A, ông L. Tuy nhiên, đại diện bị đơn và phía ông L vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty A, ông L.

*[3] Về yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày, xác nhận của người đại diện hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 14/9/2018, giữa Ngân hàng V2 và Công ty D P đã ký kết Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế không có tài sản bảo đảm với hạn mức 300.000.000 đồng, thời hạn hạn mức tín dụng thẻ đề nghị là 60 tháng, lãi suất 25%/năm và sẽ được điều chỉnh, kể từ ngày 22/08/2023 thì lãi suất là 34%/năm.

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế không có tài sản bảo đảm trên được bảo đảm bằng tất cả tài sản cá nhân của ông Phạm Thanh L theo Hợp đồng bảo lãnh số: 121/HĐBL/VPBANK-C ngày 12/09/2018 với nội dung ông L đồng ý bảo lãnh toàn bộ, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty D P trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng V2 và Công ty D P. Khoản tín dụng được cấp cho Công ty D P không có tài sản thế chấp và không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Xét Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế, Hợp đồng bảo lãnh và các văn bản tín dụng khác được các bên ký kết nêu trên có hình thức đúng quy định của pháp luật, nội dung các bên thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên tự nguyện ký kết các Hợp đồng này nên các Hợp đồng này phù hợp với quy định tại Điều 4, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 12 của Luật Ngân hàng N1 năm 2010, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Xét việc các bên thỏa thuận về hạn mức sử dụng, khoản tiền, thời hạn, việc trả nợ gốc, nợ lãi, ngày chuyển nợ quá hạn, lãi suất, lãi quá hạn và các thỏa thuận khác trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế không có tài sản bảo đảm là phù hợp với các quy định của pháp luật, Công ty Anh P cũng chỉ trả được một phần khoản tiền cho nguyên đơn và vi phạm các nghĩa vụ thanh toán tiền cho phía nguyên đơn, do đó việc nguyên đơn yêu cầu Công ty D P phải trả ngay các khoản tiền gốc, tiền lãi quá hạn theo lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng tính đến ngày 15/8/2024 tổng cộng: 458.275.951 đồng, trong đó nợ gốc là 298.755.496 đồng và nợ lãi

quá hạn là 159.520.455 đồng là có cơ sở để xem xét chấp nhận, phù hợp với các quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Đối với yêu cầu về tiền lãi, lãi suất: Căn cứ hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về tiền lãi, lãi suất thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế không có tài sản bảo đảm đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/8/2024) cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với việc Ngân hàng V1 được quyền yêu cầu ông L có trách nhiệm trả nợ khi Công ty D P không thanh toán nợ. Căn cứ quy định tại Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 340, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng bảo lãnh số: 121/HĐBL/VPBANK-C ngày 12/09/2018 thì yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty D P phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tính đến ngày 15/8/2024 tổng cộng là: 458.275.951 đồng, trong đó nợ gốc là 298.755.496 đồng và nợ lãi quá hạn là 159.520.455 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số tiền còn nợ theo lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế không có tài sản bảo đảm các bên đã ký kết kể từ ngày 16/8/2024 đến khi Công ty A, ông L trả hết số nợ. Trường hợp phía Công ty D P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, phía nguyên đơn Ngân hàng V2 có quyền yêu cầu ông L có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ của Công ty D P cho Ngân hàng V2.

*[4] Về án phí và quyền kháng cáo:*

*Về án phí sơ thẩm:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 340, Điều 342, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 4, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 12 của Luật **Ngân hàng N1** năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần V**:

Buộc **Công ty TNHH D P** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** các khoản tiền tính đến ngày 15/08/2024 tổng cộng là: 458.275.951 đồng (*B trăm năm mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi một đồng*), trong đó nợ gốc là 298.755.496 đồng (*Hai trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng*) và nợ lãi quá hạn là 159.520.455 đồng (*Một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm hai mươi nghìn, bốn trăm năm mươi lăm đồng*). Trả ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế không có tài sản bảo đảm đã ký kết ngày 14/09/2018 và phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp phía **Công ty TNHH D P** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên. Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** có quyền yêu cầu ông **Phạm Thanh L** có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ của **Công ty TNHH D P** nêu trên.

2. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 22.331.038 đồng (*Hai mươi hai triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, không trăm ba mươi tám đồng*) **Công ty TNHH D P** phải chịu. **Công ty TNHH D P** chưa nộp án phí.

H2 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.744.714 đồng (Tám triệu, bảy trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm mười bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0025073 ngày 30/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 3. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### 4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH D P, ông Phạm Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

đã ký

**Nguyễn Trung Thực**